

Số: **681** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **29** tháng **9** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2016
đối với Công ty mẹ - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 24/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí”;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2253/QĐ-BTTTT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 21/BĐVN-HĐTV-KHĐT ngày 14/3/2016 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đã được kiểm toán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp năm 2016 đối với Công ty mẹ - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam như sau:

1. Tổng doanh thu: 10.115 tỷ đồng (Mười nghìn một trăm mười lăm tỷ đồng);

2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:

a) Lợi nhuận sau thuế: 120 tỷ đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng);

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 1,47%.

3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn:

a) Nợ phải trả quá hạn: không có nợ phải trả quá hạn;

b) Khả năng thanh toán nợ đến hạn: >1 (lớn hơn 1).

4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật:

Chấp hành các quy định về: đầu tư; quản lý và sử dụng vốn nhà nước; chính sách thuế; thu nộp ngân sách; chế độ báo cáo tài chính; báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác; việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra.

5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích:

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí theo Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 24/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và giá cước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Kế hoạch về sản phẩm, dịch vụ công ích cụ thể như sau:

a) Sản lượng:

- Sản lượng dịch vụ bưu chính phổ cập: Sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước, Sản lượng dịch vụ thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước và từ các nước đến Việt Nam: 127.000.000 cái thư.

- Sản lượng báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, báo của đảng bộ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: 153.000.000 tờ/cuốn.

b) Chất lượng:

Đảm bảo thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm triển khai, tổ chức quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu được giao và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Bưu chính; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính (Cục TCDN);
- Lưu: VT, QLDN(5).

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn